

PHỤ LỤC XIV. XE MÔ TÔ HAI BÁNH (ĐIỆN)
 (Kèm theo Quyết định số 2938 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2026
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)



Đơn vị tính: VNĐ

STT	Loại tài sản	Nhãn hiệu	Kiểu loại xe	Nguồn gốc	Thể tích/ công suất làm việc (Cm3/kW)	Giá
A. XE MỚI PHÁT SINH						
1	Xe mô tô hai bánh (điện)	HONDA	HONDA UC3 RST9004	Nhập khẩu	6	80.995.000
2	Xe mô tô hai bánh (điện)	HONDA	CUV E: EVP4S 2V	Nhập khẩu	6	44.181.818
3	Xe mô tô hai bánh (điện)	VINFAST	VINFAST KINET	Việt Nam	5,2	40.000.000
4	Xe mô tô hai bánh (điện)	YADEA	YD1500DT-4G	Việt Nam	2,8	29.500.000
5	Xe mô tô hai bánh (điện)	DAT BIKE	ERA E1	Việt Nam	4,9	33.900.000
6	Xe mô tô hai bánh (điện)	DAT BIKE	ERA E2	Việt Nam	4,9	29.900.000
7	Xe mô tô hai bánh (điện)	ESPERO	VELIA P	Việt Nam	2,8	32.990.000
8	Xe mô tô hai bánh (điện)	DK	NOVA X	Việt Nam	2,35	23.590.000
9	Xe mô tô hai bánh (điện)	TAILG	T61	Việt Nam	3,15	28.410.000
10	Xe mô tô hai bánh (điện)	TAILG	T61L	Việt Nam	6	36.090.000
11	Xe mô tô hai bánh (điện)	TAILG	T80 PRO	Việt Nam	6	38.000.000
12	Xe mô tô hai bánh (điện)	POWELLDD	FANCY	Việt Nam	1,75	17.990.000
B. XE ĐIỀU CHỈNH TĂNG/GIẢM TRÊN 5%						
13	Xe mô tô hai bánh (điện)	BEFORE ALL	BF150S	Việt Nam	4,4	38.990.000
14	Xe mô tô hai bánh (điện)	DAT BIKE	QUANTUM S3 A	Việt Nam	6	30.900.000
15	Xe mô tô hai bánh (điện)	VINFAST	EVO GRAND	Việt Nam	2,25	23.246.000
16	Xe mô tô hai bánh (điện)	VINFAST	FELIZ 2025	Việt Nam	2,8	27.900.000
17	Xe mô tô hai bánh (điện)	VINFAST	VERO X	Việt Nam	2,25	32.806.000
18	Xe mô tô hai bánh (điện)	VINFAST	VINFAST EVO	Việt Nam	2,45	23.618.000
19	Xe mô tô hai bánh (điện)	VINFAST	VINFAST FELIZ II	Việt Nam	3	28.126.000
20	Xe mô tô hai bánh (điện)	VINFAST	VINFAST VIPER	Việt Nam	3	36.708.000
21	Xe mô tô hai bánh (điện)	YADEA	YD1500DT-10G	Việt Nam	2,85	35.000.000
22	Xe mô tô hai bánh (điện)	YADEA	YD1500DT-8G	Việt Nam	2,75	38.990.000
23	Xe mô tô hai bánh (điện)	YADEA	YD2000DT-3G	Việt Nam	3,05	39.500.000
24	Xe mô tô hai bánh (điện)	HONDA	CUV E:	Nhập khẩu	6	44.690.000